

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

Về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hải và ông Nguyễn Văn Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:***

Bà Tăng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 101/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **68/2022/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022** và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐ-DS ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: xóm 4, xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An

(*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Anh **Võ Trọng P**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: xóm 4, xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An

(*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2022, được bổ sung tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị và anh Võ Trọng P kết hôn với nhau vào ngày 01/8/2019, hôn nhân trên cơ sở có tình cảm, hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau nhưng đã xảy ra nhiều vấn đề mà không thể giải quyết được, nhất là vào khoảng tháng 2/2020, nguyên nhân là do anh P đưa đòi bạn bè ăn chơi sa đọa, thiếu quan tâm và trách nhiệm đối với vợ con, vợ góp ý khuyên bảo không

nghe mà còn gây khó dễ trong cuộc sống gia đình, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Bản thân chị đã cố gắng nhẫn nhịn, níu kéo mong chồng thay đổi để tập trung chăm lo xây dựng gia đình và có trách nhiệm với vợ con nhưng anh P không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị quyết định làm thủ tục đề nghị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Trọng P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Võ Trọng Anh T, sinh ngày 13/01/2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T đã có đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt do chị phải đi làm xa, việc sắp xếp thời gian và đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục để giải quyết vụ án theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho anh Võ Trọng P nhưng anh P không đến Tòa án để làm việc. Theo xác nhận số 000046/XN ngày 04/4/2022 của công an xã Diễn Thọ về thông tin cư trú và xác minh của UBND xã Diễn Thọ tại các Biên bản niêm yết thì anh Võ Trọng P có đăng ký hộ khẩu tại xã Diễn T, huyện D, tỉnh Nghệ An, thuộc hộ gia đình ông Võ Trọng Quế, sinh năm 1968 (cha đẻ). Tuy nhiên, anh P hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Do đó, tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng khác đối với anh Võ Trọng P và tổng đạt cho thân nhân (bố, mẹ) anh P theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và được cam kết sẽ thông báo nội dung các văn bản cho anh Võ Trọng P.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn anh Võ Trọng P đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt; Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Trần Thị T được ly

hôn anh Võ Trọng P; về con chung: Võ Trọng Anh T, sinh ngày 13/01/2020 theo nguyện vọng của chị T muốn được tiếp tục nuôi con, hơn nữa cháu hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên cần giao con cho mẹ đẻ là chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; việc cấp dưỡng do chị T không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết; Án phí: chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Võ Trọng P có đăng ký hộ khẩu tại xã Diễn T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với anh Võ Trọng P và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị T và gia đình anh P cũng đã thông báo đến anh P toàn bộ nội dung khởi kiện, anh P biết rõ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điểm c khoản điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 BLTTDS 2015; điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Võ Trọng P.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Võ Trọng P là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc giữa chị T và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P đưa đòi bạn bè ăn chơi sa đọa không quan tâm gì đến cuộc sống gia đình vợ con, vợ góp ý khuyên bảo không nghe mà còn gây khó dễ trong cuộc sống gia đình. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị T xác định không còn tình cảm gì với anh P nữa, không thể sống chung với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Riêng anh P, sau khi được thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị T về việc ly hôn nhưng không có bất cứ văn bản nào phản hồi về cho tòa án nêu rõ ý kiến. Điều đó chứng tỏ rằng anh P không có động thái tích cực để hòa giải và đoàn tụ vợ chồng với chị T, mối quan hệ giữa Thảo và anh P đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn

nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Võ Trọng P.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Võ Trọng P có 01 con chung Võ Trọng Anh T, sinh ngày 13/01/2020 hiện nay cháu được 29 tháng 24 ngày tuổi; chị T có địa chỉ cư trú rõ ràng, có công việc và thu nhập ổn định đủ các điều kiện cơ sở vật chất để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, mặt khác, cháu Tuấn hiện nay đang dưới 36 tháng tuổi nên cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Võ Trọng Anh T cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị T và phù hợp với thực tế. Do chị Trần Thị T không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Võ Trọng P.

Về tài sản chung: chị Trần Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. **Quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Võ Trọng P.

2. **Về con chung:** Giao con chung Võ Trọng Anh T, sinh ngày 13/01/2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Võ Trọng P.

Anh Võ Trọng P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. **Về tài sản chung và nợ:** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Châu theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001853 ngày 05/01/2021.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị T và anh Võ Trọng P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- Thi hành án DS H. Diên Châu;
- UBND xã Diên T (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Đức Thúy

